

THÔNG BÁO

Tình hình thu và chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư xây dựng Điện Phan Vũ

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Lâm Nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai Ban hành Quy định một số nội dung về chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ kết quả thu tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2022.

Trên cơ sở kết quả xác định diện tích rừng được chi trả DVMTR năm 2022 cho các bên cung ứng (chủ rừng, UBND cấp xã). Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (Quỹ tỉnh) tiến hành phân bổ, xác định số tiền và đã thực hiện chi trả cho các bên cung ứng DVMTR theo quy định.

Nay Quỹ tỉnh thông báo đến đơn vị tình hình thu và kết quả chi trả tiền DVMTR cho các bên cung ứng năm 2022(Có bảng chi tiết kèm theo).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác chặt chẽ của đơn vị trong thực hiện chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quỹ TW;
- Lãnh đạo Quỹ;
- Website Quỹ;
- Lưu VT; KH-KT Quỹ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
QUỸ
BẢO VỆ
VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG
TỈNH GIA LAI
Nguyễn Hồng Linh

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THU VÀ KẾT QUẢ CHI TRẢ TIỀN DVMTR CHO BÊN CUNG ỨNG NĂM 2022

(Kèm theo thông báo số 69 /TB-QBVPTR ngày 17 /7/2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Gia Lai)

Đơn vị: Công ty CP Đầu tư xây dựng Điện Phan Vũ

STT	Tên nhà máy	Số tiền DVMTR thu trong năm 2022	Số tiền DVMTR đã chi cho các bên cung ứng thuộc lưu vực nhà máy của Công ty và trích chi phí quản lý									
			Tổng		Trong đó:							
					Chủ rừng			UBND cấp xã			Hỗ trợ trồng cây phân tán theo quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh Gia Lai (đồng)	Chi phí quản lý (đồng)
Diện tích cung ứng (ha)	Số tiền (đồng)	Số lượng (Chủ rừng)	Diện tích cung ứng (ha)	Số tiền (đồng)	Số lượng (Xã)	Diện tích cung ứng (ha)	Số tiền (đồng)					
[1]	[2]	[3]	[4=7+10]	[5=8+11+12+13]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]
1	NMTĐ Ia H'run	692,896,536	3,119.46	692,896,536	4	2,996.53	612,234,114	2	122.93	25,230,699		55,431,723
2	NMTĐ Chư Prông	610,509,168	3,246.00	610,509,168	4	3,123.07	540,306,894	6	122.93	21,361,541		48,840,733
Tổng cộng			6,365.46	1,303,405,704	8	6,120	1,152,541,008	8	245.86	46,592,240	0	104,272,456